

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 479/NQ-HĐND

Vĩnh Linh, ngày 26 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
thu, chi ngân sách địa phương năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh Quảng Trị về phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ công văn số 106/TTHĐ ngày 20/12/2023 của Thường trực HĐND huyện về việc thống nhất phương án phân bổ nguồn tiết kiệm chi năm 2022 bổ sung dự toán ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ chi năm 2023, 2024;

Xét Tờ trình số 371/TTr-UBND ngày 21/12/2023 của UBND huyện Vĩnh Linh về việc thông qua dự thảo Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế xã hội và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 theo các biểu mẫu số 15, 16, 17 đính kèm.

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân huyện:

Triển khai nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2024
cho từng ngành, từng lĩnh vực.

Tổ chức thực hiện công khai dự toán và quyết toán ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Chỉ đạo và thường xuyên tổ chức, kiểm tra việc sử dụng ngân sách đối với từng ngành, từng lĩnh vực đảm bảo chi ngân sách theo đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức, dự toán được giao. Đồng thời tổ chức xử lý kịp thời, đầy đủ những tồn tại, sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đã có kết luận bằng văn bản; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trong quá trình quản lý điều hành ngân sách khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách sai chế độ, chính sách. Không chuyển nhiệm vụ sang năm sau đối với những nhiệm vụ chi đã được bố trí dự toán năm trước (trừ các trường hợp được phép theo quy định).

Điều 3. Giao trách nhiệm cho Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được hội đồng nhân dân huyện khóa VI, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 26/12/2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận: *phut*

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMT TQVN huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- TAND, VKSND huyện;
- Lưu: VT, TCKH. *Quanh*



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hương

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 479/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán tính giao năm 2023	Dự toán huyện giao năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán tính giao năm 2024	Dự toán huyện giao năm 2024	So sánh (3)	
							Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	516.114,000	710.368,500	878.421,610	615.895,000	740.690,100	124.795,100	84,3%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	197.750,000	387.303,500	150.779,350	197.300,000	292.711,000	95.411,000	194,1%
-	Thu NSDP hưởng 100%	12.050,000	12.050,000	12.050,000	10.950,000	10.950,000	0,000	90,9%
-	Thu NSDP hưởng từ khoản thu phân chia	185.700,000	375.253,500	138.729,350	186.350,000	281.761,000	95.411,000	203,1%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	318.364,000	318.364,000	412.331,000	418.595,000	418.595,000	0,000	101,5%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	293.331,000	293.331,000	293.331,000	293.331,000	293.331,000	0,000	100,0%
2	Thu bổ sung số mục tiêu	25.033,000	25.033,000	119.000,000	125.264,000	125.264,000	0,000	105,3%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính							
IV	Thu kế dư							
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		4.701,000	315.311,260		29.384,100	29.384,100	9,3%
B	TỔNG CHI NSDP	516.114,000	710.368,500	712.880,000	615.895,000	740.690,100	124.795,100	104,3%
I	Tổng chi cân đối NSDP	499.081,000	693.335,500	712.880,000	599.012,000	723.807,100	124.795,100	104,4%
1	Chi đầu tư phát triển (1)	84.668,000	274.221,500	267.200,000	121.742,000	230.233,003	108.491,003	84,0%
2	Chi thường xuyên	404.591,000	409.198,000	445.680,000	465.550,000	481.277,947	15.727,947	117,6%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)							
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)							
5	Dự phòng ngân sách	9.822,000	9.916,000	0,000	11.720,000	12.296,150	576,150	124,0%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương							
II	Chi các chương trình mục tiêu	17.033,000	17.033,000	0,000	16.883,000	16.883,000	0,000	99,1%
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia							
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	17.033,000	17.033,000	0,000	16.883,000	16.883,000	0,000	99,1%
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau							
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)							
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)							
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc							
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh							

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 479/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2023		Dự toán năm 2024		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN						
I	Thu nội địa	173.301,370	150.779,354	308.432,640	292.711,000	178%	194%
1	Thu từ khu vực DNNN địa phương	2.962,974	2.962,974	0,000	0,000	0%	0%
	<i>Trong đó: Ngân sách tỉnh hưởng</i>						
	<i>Ngân sách huyện, xã hưởng</i>	2.962,974	2.962,974				
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	54.110,170	53.000,170	59.000,000	59.000,000	109%	111%
3	Thuế thu nhập cá nhân	8.800,000	8.800,000	5.500,000	5.500,000	63%	63%
	<i>Trong đó: NS tỉnh hưởng</i>				0,000		
	<i>Ngân sách huyện, xã hưởng</i>	8.800,000	8.800,000	5.500,000	5.500,000	63%	63%
4	Lệ phí trước bạ	20.000,000	20.000,000	20.000,000	20.000,000	100%	100%
5	Thu phí, lệ phí	2.940,000	2.320,340	2.250,000	1.500,000	77%	65%
-	<i>Thu phí và lệ phí: Trung ương, tỉnh</i>	619,660		750,000		121%	
-	<i>Phí BVMT đối với khai thác KS</i>	375,630	375,630	40,000	40,000		
-	<i>Thu phí và lệ phí huyện, xã</i>	1.944,710	1.944,710	1.460,000	1.460,000	75%	75%
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	82,000	82,000	200,000	200,000	244%	244%
7	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	23.000,000	11.333,893	4.200,000	4.200,000	18%	37%
8	Thu tiền sử dụng đất	45.000,000	42.750,000	207.432,640	197.061,000	461%	461%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.431,227	854,977	0,000	0,000		
	<i>Trong đó: Ngân sách TW, tỉnh hưởng</i>	576,249			0,000		
	<i>Ngân sách huyện, xã hưởng</i>	854,977	854,977		0,000		
10	Thu khác ngân sách	13.300,000	7.000,000	8.600,000	4.000,000	65%	57%
	<i>Trong đó: Thu khác NSTW, NS tỉnh</i>	6.300,000		4.600,000			
	<i>Ngân sách huyện</i>	7.000,000	7.000,000	4.000,000	4.000,000		
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.600,000	1.600,000	1.250,000	1.250,000	78%	78%
12	Các khoản huy động, đóng góp	75,000	75,000				

Chuẩn

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 479/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSĐP	731.291,500	771.052,100	39.760,600	105,4%
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	693.335,500	723.807,100	30.471,600	104,4%
I	Chi đầu tư phát triển (Chi tiết thông qua sau)	274.221,500	230.233,003	-43.988,497	84,0%
1	Chi đầu tư cho các dự án	274.221,500	230.233,003	-43.988,497	84,0%
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			0,000	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			0,000	
-	Chi khoa học và công nghệ			0,000	
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			0,000	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	256.053,500	197.061,003	-58.992,497	77,0%
-	Nguồn NS tỉnh cân đối	10.168,000	7.092,000	-3.076,000	69,7%
-	Nguồn NS tỉnh bổ sung có mục tiêu	8.000,000	13.000,000	5.000,000	162,5%
-	Nguồn tiết kiệm chi NS năm 2022		13.080,000	13.080,000	
2	Chi đầu tư phát triển khác			0,000	
II	Chi thường xuyên	409.198,000	481.277,947	72.079,947	117,6%
	Trong đó:			0,000	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	226.696,000	267.560,000	40.864,000	118,0%
2	Chi khoa học và công nghệ			0,000	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			0,000	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			0,000	
V	Dự phòng ngân sách	9.916,000	12.296,150	2.380,150	124,0%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
B	CHI TRẢ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	37.956,000	47.245,000	9.289,000	124,5%
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	20.923,000	30.362,000	9.439,000	
	CTMTQG xây dựng nông thôn mới	4.875,000	10.400,000	5.525,000	
	CTMTQG giảm nghèo bền vững	2.500,000	2.500,000	0,000	
	CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi	13.548,000	17.462,000	3.914,000	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	17.033,000	16.883,000	-150,000	99,1%
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)	17.033,000	16.883,000	-150,000	99,1%
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			0,000	